TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 01 năm 2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Vũ, ông Lưu Văn Toan
Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/TB-TA, ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn V; Sinh năm 1994; CCCD số: 0660.9400.8505; Ngày cấp: 15/8/2021 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 8B, xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Nông Thị L; Sinh năm 1992; CCCD số: 0361.3201.4080; Ngày cấp: 15/8/2021 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 8B, xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Văn V trình bày tóm tắt:

Anh với chị Nông Thị Luyến là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 19 tháng 02 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã Ea W, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk). Anh chị có 02 con chung là Trần Ánh L, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013; Trần Thiên Â, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2021. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Còn về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung anh và chị Luyến tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nông Thị L trình bày tóm tắt:

Chị với anh Trần Văn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 19 tháng 02 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã Ea W, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk). Anh chị có 02 con chung là Trần Ánh L, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013; Trần Thiên Â, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Mặc dù anh chị có mâu thuẫn với nhau (Anh V đánh đập chị, đi gái gú, không quan tâm vợ con, …), nhưng chị vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không muốn ly hôn. Tuy nhiên, nếu anh Vũ quyết tâm ly hôn, thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, chị trình bày là chị cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Chị yêu cầu anh Vũ cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ/02 cháu/tháng. Về tài sản chung, nợ chung, thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại buổi hòa giải, thì chị lại đồng ý giao hai con chung cho anh V nuôi dưỡng, còn về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị với anh V tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Ánh L trình bày tóm tắt: Cháu là con của ông V, bà L. Cháu có nguyện vọng ở với bố (Ông V).

Tại Trích lục kết hôn số 317/TLKH-BS ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ea W, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk) chứng nhận:

Chị Nông Thị L, sinh năm 1992 và anh Trần Văn V, sinh năm 1994 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea W, huyện Ea H, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk) ngày 19 tháng 02 năm 2014.

Tại Biên bản xác minh ngày 20 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk có nội dung tóm tắt:

Anh Trần Văn V và chị Nông Thị L có mâu thuẫn về hôn nhân gia đình, còn mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì Ủy ban không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của anh V, cho anh V ly hôn với chị L. Về con

chung: Giao cho anh V nuôi dưỡng cháu Trần Ánh L, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2021 cho tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung anh V và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Anh V và chị L là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Hiện nay, anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Anh V khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Chị L có hộ khẩu thường trú ở xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Anh V xin xét xử vắng mặt, còn chị L được triệu tập lần hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh V, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh V và chị L phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho anh V ly hôn với chị L.

+ Về con chung:

Sau khi ly hôn, anh V có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung cho đến tuổi trưởng thành, thì được chị L đồng ý.

Xét thấy sự thỏa thuận trên của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, ghi nhận ý kiến của chị L và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Giao hai con chung cho anh V nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung nợ chung: Anh V và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (anh V) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Văn V ly hôn với chị Nông Thị L.

+ Về con chung:

Giao con chung là cháu Trần Ánh L, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013 và cháu Trần Thiên Â, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2021 cho anh Trần Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị Nông Thị L có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị Nông Thị L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh Trần Văn V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nông Thị L.

2. Về án phí:

Anh Trần Văn V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch.

Khấu trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh Trần Văn V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001012 ngày 25 tháng 9 năm 2025.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 9 – Đắk Lắk;
- UBND xã Ea W, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Dũng